ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 213 /TTr-UBND	*TP. Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 8 năm 2023*

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt Bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi:
- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 03/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 834/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 15/9/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất thành phố Quảng Ngãi - tỉnh Quảng Ngãi;

Theo Công văn số 4292/STNMT-QLĐĐ ngày 08/8/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hoàn chỉnh hồ sơ bổ sung Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2023.

UBND thành phố Quảng Ngãi kính trình UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, nội dung như sau:

1. Hồ sơ trình phê duyệt

Hồ sơ Bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Quảng Ngãi trình phê duyệt, gồm:

- Biểu Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Quảng Ngãi.

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp Bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Quảng Ngãi.

- Bản đồ Bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Quảng Ngãi.

2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất

Bảng 1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4) *100%
1	***Đất nông nghiệp***	***NNP***	***7.193,80***	***8.010,99***	***817,19***	***111,36***
	Trong đó:					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.523,39	2.800,99	277,60	111,00
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	*2.400,77*	*2.679,42*	*278,65*	*111,61*
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2.924,59	3.217,51	292,92	110,02
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	849,47	956,88	107,41	112,64
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	97,89	98,38	0,49	100,50
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	506,48	600,33	93,85	118,53
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*	8,02	7,98	*-0,04*	99,50
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	230,80	301,71	70,91	130,72
1.8	Đất làm muối	LMU	5,04	5,04		100,00
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	56,14	30,15	-25,99	53,71
2	***Đất phi nông nghiệp***	***PNN***	***8.148,76***	***7.316,65***	***-832,11***	***89,79***
	Trong đó:					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	60,37	45,51	-14,86	75,39
2.2	Đất an ninh	CAN	10,90	10,18	-0,72	93,39
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	76,90	76,75	-0,15	99,80
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	17,53	13,14	-4,39	74,96
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	154,53	92,08	-62,45	59,59
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	35,09	35,99	0,90	102,56

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	1,01	0,47	-0,54	46,53
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	30,19	17,58	-12,61	58,23
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.907,42	2.577,71	-329,71	88,66
	Trong đó:					
-	Đất giao thông	DGT	1.488,64	1.303,36	-185,28	87,55
-	Đất thủy lợi	DTL	387,20	363,07	-24,13	93,77
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	30,03	24,85	-5,18	82,75
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	28,29	23,45	-4,84	82,89
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	155,83	143,75	-12,08	92,25
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	31,16	33,48	2,32	107,45
-	Đất công trình năng lượng	DNL	7,18	5,27	-1,91	73,40
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,86	1,86		100,00
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG				
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	122,98	90,04	-32,94	73,22
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	600,58	542,19	-58,39	90,28
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	12,65	12,16	-0,49	96,13
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	5,83	5,71	-0,12	97,94
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	0,03	0,03		100,00
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	1,85	1,85		100,00
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,15	0,15		100,00
-	Đất công trình công cộng khác	DCK	20,23	13,53	-6,70	66,88
-	Đất chợ	DCH	12,93	12,96	0,03	100,23
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	17,75	17,18	-0,57	96,79

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	250,73	70,18	-180,55	27,99
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.631,21	1.422,64	-208,57	87,21
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.064,79	1.004,93	-59,86	94,38
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	36,05	33,74	-2,31	93,59
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	12,86	12,98	0,12	100,93
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	15,43	15,37	-0,06	99,61
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.799,14	1.842,00	42,86	102,38
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	26,83	28,19	1,36	105,07
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,03	0,03		100,00
3	***Đất chưa sử dụng***	***CSD***	***392,21***	***407,13***	***14,92***	***103,80***

2.2. Kết quả thực hiện phân tích cho từng mục đích sử dụng

2.1.1. Đất nông nghiệp (NNP):

Kế hoạch được duyệt đến năm 2022 giảm còn 7.193,80 ha. Kết quả thực hiện là 8.010,99 ha, cao hơn 817,19 ha so với kế hoạch được duyệt.

- *Đất trồng lúa (LUA):* Kế hoạch được duyệt đến năm 2022 còn 2.523,39ha. Kết quả thực hiện là 2.800,99 ha, cao hơn 277,60 ha so với kế hoạch được duyệt, trong đó:

** Đất chuyên trồng lúa nước (LUC):* Kế hoạch được duyệt đến năm 2022 còn 2.400,77 ha. Kết quả thực hiện là 2.679,42 ha, cao hơn 278,65 ha so với kế hoạch được duyệt.

- *Đất trồng cây hàng năm khác (HNK):* Kế hoạch được duyệt đến năm 2022 còn 2.924,59 ha. Kết quả thực hiện là 3.217,51 ha, cao hơn 292,92 ha so với kế hoạch được duyệt.

- *Đất trồng cây lâu năm (CLN):* Kế hoạch được duyệt đến năm 2022 là 849,47 ha. Kết quả thực hiện là 956,88 ha, cao hơn 107,41 ha so với kế hoạch được duyệt.

- *Đất rừng phòng hộ (RPH):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 97,89 ha. Kết quả thực hiện là 98,38 ha, cao hơn 0,49 ha so với kế hoạch được duyệt.

- *Đất rừng sản xuất (RSX):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 506,48 ha. Kết quả thực hiện là 600,33 ha, cao hơn 93,85 ha so với kế hoạch được duyệt.

- *Đất nuôi trồng thủy sản (NTS):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 230,80 ha. Kết quả thực hiện là 301,71 ha, cao hơn 70,91 ha so với kế hoạch được duyệt.

- *Đất làm muối (LMU):* Trong năm kế hoạch không có đăng ký nhu cầu dự án nên diện tích giữ nguyên so với hiện trạng là là 5,04 ha.

- *Đất nông nghiệp khác (NKH):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 56,14ha. Kết quả thực hiện là 30,15 ha, thấp hơn 25,99 ha so với kế hoạch được duyệt.

2.2.2. Đất phi nông nghiệp (PNN):

Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 8.148,76 ha. Kết quả thực hiện là 7.316,65 ha, thấp hơn 832,11 ha so với kế hoạch được duyệt. Trong đó:

- *Đất quốc phòng (CQP):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 60,37 ha. Kết quả thực hiện là 45,51 ha, thấp hơn 14,86 ha so với kế hoạch được duyệt.

- *Đất an ninh (CAN):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 10,90 ha. Kết quả thực hiện là 10,18 ha, thấp hơn 0,72 ha so với kế hoạch được duyệt.

- *Đất khu công nghiệp (SKK):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 76,90 ha. Kết quả thực hiện là 76,75 ha, thấp hơn 0,15 ha so với kế hoạch được duyệt.

- *Đất cụm công nghiệp (SKN):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 17,53 ha. Kết quả thực hiện là 13,14 ha, thấp hơn 4,39 ha so với kế hoạch được duyệt.

- *Đất thương mại, dịch vụ (TMD):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 154,53 ha. Kết quả thực hiện là 92,08 ha, thấp hơn 62,45 ha so với kế hoạch được duyệt.

- *Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 35,09 ha. Kết quả thực hiện là 35,99 ha, cao hơn 0,90 ha so với kế hoạch được duyệt.

- *Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (SKS):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 1,01 ha. Kết quả thực hiện là 0,47 ha, thấp hơn 0,54 ha so với kế hoạch được duyệt.

- *Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (SKX):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 30,19 ha. Kết quả thực hiện là 17,58 ha, thấp hơn 12,61 ha so với kế hoạch được duyệt.

- *Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (DHT):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 2.907,42 ha. Kết quả thực hiện là 2.577,71ha, thấp hơn 329,71 ha so với kế hoạch được duyệt. Trong đó:

+ *Đất giao thông (DGT):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 1.488,64 ha. Kết quả thực hiện là 1.303,36 ha, thấp hơn 185,28 ha so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất thủy lợi (DTL):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 387,20 ha. Kết quả thực hiện là 363,07 ha, thấp hơn 24,13 ha so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất xây dựng cơ sở văn hóa (DVH):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 30,03 ha. Kết quả thực hiện là 24,85 ha, thấp hơn 5,18 ha so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất xây dựng cơ sở y tế (DYT):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 28,29 ha. Kết quả thực hiện là 23,45 ha, thấp hơn 4,84 ha so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (DGD):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 155,83 ha. Kết quả thực hiện là 143,75 ha, thấp hơn 12,08 ha so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao (DTT):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 31,16 ha. Kết quả thực hiện là 33,48 ha, cao hơn 2,32 ha so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất công trình năng lượng (DNL):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 7,18 ha. Kết quả thực hiện là 5,27 ha, thấp hơn 1,91 ha so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất công trình bưu chính viễn thông (DBV):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 1,86 ha. Kết quả thực hiện là 1,86 ha, đạt bằng so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất cơ sở tôn giáo (TON):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 122,98ha. Kết quả thực hiện là 90,04 ha, thấp hơn 32,94 ha so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (NTD):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 600,58 ha. Kết quả thực hiện là 542,19 ha, thấp hơn 58,39ha so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất có di tích lịch sử - văn hóa (DDT):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 12,65 ha. Kết quả thực hiện là 12,16 ha, thấp hơn 0,49 ha so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất bãi thải, xử lý chất thải (DRA):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 5,83 ha. Kết quả thực hiện là 5,71 ha, thấp hơn 0,12 ha so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ (DKH):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 0,03 ha. Kết quả thực hiện là 0,03 ha, bằng so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội (DXH):* Trong năm kế hoạch không có đăng ký nhu cầu dự án nên diện tích giữ nguyên so với hiện trạng là 1,85 ha.

+ *Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác (DSK):* Trong năm kế hoạch không có đăng ký nhu cầu dự án nên diện tích giữ nguyên so với hiện trạng là 0,15 ha.

+ *Đất công trình công cộng khác (DCK):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 20,23 ha. Kết quả thực hiện là 13,53 ha, thấp hơn 6,70 ha so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất chợ (DCH):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 12,93 ha. Kết quả

thực hiện là 12,96 ha, cao hơn 0,03 ha so với kế hoạch được duyệt.

- *Đất danh lam thắng cảnh (DDL):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 và kết quả thực hiện không có chỉ tiêu loại đất này.

- *Đất sinh hoạt cộng đồng (DSH):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 17,75 ha. Kết quả thực hiện là 17,18 ha, thấp hơn 0,57 ha so với kế hoạch được duyệt.

- *Đất khu vui chơi, giải trí công cộng (DKV):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 250,73 ha. Kết quả thực hiện là 70,18 ha, thấp hơn 180,55 ha so kế hoạch được duyệt.

- *Đất ở tại nông thôn (ONT):* Kế hoạch được duyệt đến năm 2022 là 1.631,21 ha. Kết quả thực hiện là 1.422,64 ha, thấp hơn 208,57 ha so với kế hoạch được duyệt.

- *Đất ở tại đô thị (ODT):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 1.064,79 ha. Kết quả thực hiện là 1.004,93 ha, thấp hơn 59,86 ha so với kế hoạch được duyệt.

- *Đất xây dựng trụ sở cơ quan (TSC):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 36,05 ha. Kết quả thực hiện là 33,74 ha, thấp hơn 2,31 ha so với kế hoạch được duyệt.

- *Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp (DTS):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 12,86 ha. Kết quả thực hiện là 12,98 ha, cao hơn 0,12 ha so với kế hoạch được duyệt.

- *Đất tín ngưỡng (TIN):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 15,43 ha. Kết quả thực hiện là 15,37 ha, thấp hơn 0,06 ha so kế hoạch được duyệt.

- *Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 1.799,14 ha. Kết quả thực hiện là 1.842,00 ha, cao hơn 42,86 ha so với kế hoạch được duyệt.

- *Đất có mặt nước chuyên dùng (MNC):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 26,83 ha. Kết quả thực hiện là 28,19 ha, cao hơn 1,36 ha so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất phi nông nghiệp khác (PNK):* Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 0,03 ha. Kết quả thực hiện là 0,03 ha, đạt so với kế hoạch được duyệt.

2.2.3. Đất chưa sử dụng (CSD):

Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 392,21ha. Kết quả thực hiện là 407,13ha, cao hơn 14,92 ha so với kế hoạch được duyệt.

2.3. Những tồn tại, nguyên nhân

Việc lập kế hoạch sử dụng đất của thành phố đã dần đi vào nề nếp, cơ cấu sử dụng đất được chuyển đổi phù hợp với quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đã đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất. Kế hoạch sử dụng đất đã trở thành cơ sở pháp lý cho việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt được, việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của năm 2022 vẫn còn những tồn tại cần khắc phục cụ thể như sau:

- Việc đăng ký công trình, dự án trong năm kế hoạch chưa thật sự phù hợp với thực tế, còn mang tính chủ quan.

- Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng còn nhiều vướng mắc, bất cập nên một số dự án chưa đảm bảo tiến độ đề ra.

- Các giải pháp tổ chức thực hiện thiếu đồng bộ, chưa kịp thời, công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện chưa sâu sát.

3. Nội dung kế hoạch sử dụng đất năm 2023

3.1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch: Cụ thể tại Biểu 01 kèm theo.

3.2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2023: Cụ thể tại Biểu 02 kèm theo.

3.3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023: Cụ thể tại Biểu 03 kèm theo.

3.4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023: Cụ thể tại Biểu 04 kèm theo.

4. Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật để thâm canh, thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi đảm bảo phát triển bền vững, hạn chế sử dụng nhiều phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp, nghiêm cấm việc dùng các loại thuốc bảo vệ thực vật đã bị chỉ định không được sử dụng. Xây dựng hệ thống thoát nước thải trong khu dân cư. Tổ chức thu gom rác thải sinh hoạt và xử lý theo quy định;

- Kết hợp nông - lâm - thủy sản để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, có các biện pháp xử lý, tránh gây ô nhiễm môi trường đất, phá huỷ cân bằng hệ sinh thái;

- Tăng cường các biện pháp bảo vệ đất trồng lúa nước, rừng phòng hộ; quản lý chặt chẽ, thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên việc chuyển đổi mục đích sử dụng;

- Áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện đất đai trong sử dụng đất nông nghiệp; đầu tư cải tạo, bồi bổ đất, hạn chế việc cày, xới bề mặt đất nhất là trong mùa mưa để hạn chế xói mòn, rửa trôi. Tích cực khai thác đất chưa sử dụng có kế hoạch khai hoang, phục hoá để tăng quỹ đất sản xuất nông nghiệp;

- Tiến hành các giải pháp giảm thiểu sạt lở như điều tra xây dựng giải pháp kỹ thuật, phòng chống sạt lở và ngập lụt những vùng trũng vào mùa mưa.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Có chính sách ưu đãi trong đầu tư đối với những hạng mục công trình có khả năng thực hiện dưới hình thức xã hội hoá hoặc hợp tác công - tư *(như xây dựng chợ, trường học...);*

- Thực hiện chính sách đổi đất tạo vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng, thông qua các biện pháp: Chuyển đổi vị trí của các trụ sở cơ quan hành chính có lợi thế, tiềm năng về kinh doanh dịch vụ và thương mại, phát triển đô thị; Khai thác hiệu quả về

mặt vị trí thuận lợi, về dịch vụ thương mại, công nghiệp, các khu dân cư đô thị … đối với khu vực ven các trục giao thông, các trung tâm xã và các chợ …

- Thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao kiến thức cho cán bộ quản lý nhà nước, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có phẩm chất đạo đức tốt và năng lực để đáp ứng nhiệm vụ theo sự phát triển của địa phương;

- Khuyến khích học nghề, truyền nghề cho lực lượng lao động bằng nhiều hình thức thích hợp. Đề nghị các doanh nghiệp trên địa bàn ưu tiên sử dụng lao động là người địa phương;

- Huy động tối đa các nguồn vốn hợp pháp từ Trung ương, ngân sách tỉnh cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đầu tư tập trung, có trọng điểm vào các dự án nông nghiệp, công nghiệp sản xuất sạch, thân thiện với môi trường;

- Thực hiện thu chi ngân sách hợp lý, tạo thêm nguồn vốn từ quỹ đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất;

- Tiếp tục thực hiện chủ trương "Nhà nước và nhân dân cùng làm" để thực hiện các công trình giao thông, nhất là các tuyến đường hẻm trong các khu dân cư, trong đó lựa chọn các hình thức thực hiện như: Nhà nước đầu tư, vận động nhân dân hiến đất; vận động doanh nghiệp đầu tư vốn, vận động nhân dân hiến đất;…

- Áp dụng mọi hình thức khuyến khích để huy động vốn nhàn rỗi trong nhân dân như: Quỹ tiết kiệm, phát hành tín phiếu, cổ phiếu, trái phiếu công trình…

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Thực hiện nghiêm túc việc công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo đến được từng cơ quan, đơn vị nhân dân cùng thực hiện;

- Xây dựng kế hoạch thu hút đầu tư, ưu tiên thực hiện các dự án lớn, sử dụng nhiều lao động;

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật về đất đai, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về quyền và nghĩa vụ trong việc sử dụng đất, thông qua đó tạo ra sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Phát huy vai trò của các cấp ủy đảng, tổ chức chính trị - xã hội và của Nhân dân trong tham gia đóng góp và giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Nâng cao hiệu quả giám sát của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị xã hội trong công tác quản lý đất đai, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến việc tiếp thu, giải quyết tốt những ý kiến, kiến nghị, phản ánh của cử tri về công tác quản lý đất đai trên địa bàn;

- Thanh tra, kiểm tra về quản lý và sử dụng đất đai, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai nhất là vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Kiên quyết thu hồi các diện tích đất đã giao cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhưng chưa sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả theo quy định của pháp luật.

4.4. Giải pháp khác

4.4.1. Giải pháp về cơ chế chính sách:

- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ, đồng bộ đúng theo qui định Luật Đất đai và các văn bản Luật có liên quan, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái;

- Đẩy mạnh cải cách hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai, đầu tư, xây dựng. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật, đảm bảo cho việc sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;

- Thực hiện công khai minh bạch các dự án đầu tư, từ lúc giao dự án và quá trình triển khai thực hiện dự án để cộng đồng cùng kiểm tra, giám sát;

- Quan tâm và giải quyết tốt công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đồng thời thực hiện chính sách đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp để ổn định đời sống cho các hộ khi bị thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

4.4.2. Giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật:

- Tăng cường công tác điều tra cơ bản, nâng cao chất lượng công tác dự báo, sự tham gia phản biện khoa học trong và ngoài ngành nhằm nâng cao tính khả thi của phương án quy hoach, kế hoạch sử dụng đất;

- Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu quản lý tài nguyên đất, áp dụng công nghệ tiên tiến để cải thiện chất lượng điều tra lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Xây dựng mạng thông tin đất đai và kết nối mạng hệ thống các cơ quan quản lý đất đai từ tỉnh, thành phố đến các xã, phường và các đơn vị có liên quan, đáp ứng nhu cầu nắm bắt thông tin của ngành và của người dân về quy hoạch sử dụng đất các cấp, các dự án;

- Củng cố và nâng cao hệ thống thông tin về đất đai, ứng dụng công nghệ viễn thám trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đáp ứng yêu cầu quản lý đất đai và hội nhập quốc tế.

4.4.3. Giải pháp thực hiện các công trình, dự án còn tồn tại, chưa thực hiện xong công tác giao đất, cho thuê đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022:

- Kiến nghị cấp thẩm quyền điều chỉnh các chính sách bồi thường hỗ trợ và tái định cư cho phù hợp với tình hình thực tế, để tạo sự đồng thuận của đa số nhân dân và đây được xem là điều kiện then chốt để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng một cách có hiệu quả;

- Phối hợp tốt giữa UBND thành phố và các Sở, ban, ngành của tỉnh, thành phố trong việc tham mưu UBND tỉnh kịp thời giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

- Sau khi kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt, các Chủ đầu tư khẩn trương phối hợp với cơ quan thực hiện bồi thường hỗ trợ và tái định cư

triển khai công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án;

- Xử lý kiên quyết thu hồi các dự án của các chủ đầu tư không đủ năng lực, kéo dài không triển khai dự án;

- Kiên quyết không giải quyết giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất các trường hợp không có trong kế hoạch sử dụng đất. Khi giao đất, cho thuê đất cần phải tính đến năng lực thực hiện các dự án của chủ đầu tư, để đảm bảo triển khai đúng tiến độ và khả thi.

UBND thành phố kính trình./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT Thành ủy, HĐND TP (b/c);
- CT, các PCT UBND TP;
- Phòng TNMT thành phố;
- BQL các DAĐTXD và PTQĐ TP;
- VP: C, PVP, CV (TN, XD);
- Lưu: VT, TNMT (mvc).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Thanh Danh